

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA PHAN CHÂU TRINH

PHAN CHAU TRINH'S SOCIAL - POLITICAL THOUGHTS

CAO XUÂN LONG^(*)

TÓM TẮT: Phan Châu Trinh (1872 - 1926) là một trong những nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà yêu nước tiêu biểu của Việt Nam trong giai đoạn cuối XIX đầu thế kỷ XX. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Phan Châu Trinh đã để lại nhiều tư tưởng có giá trị, và một trong những tư tưởng đó chính là tư tưởng về đạo đức. Nội dung tư tưởng đạo đức được thể hiện khá phong phú và tương đối có hệ thống trên nhiều khía cạnh như: khái niệm đạo đức, vai trò đạo đức, nội dung chuẩn mực đạo đức, ... Nếu bỏ qua những hạn chế nhất định trong tư tưởng này, đó vẫn là những bài học bổ ích nhất định đối với việc giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Phan Châu Trinh; tư tưởng chính trị; chính trị - xã hội.

ABSTRACT: Phan Chau Trinh (1872-1926) was one of Vietnam's typical thinkers, politicians and patriots in the late nineteenth century and early twentieth century. In his life and his revolutionary activities, Phan Chau Trinh left many valuable ideas, one of them is the moral thoughts. The contents of his moral thoughts are expressed quite richly and relatively systematically on many aspects, such as: moral concepts, moral roles, content of moral standards,... If we ignore certain limitations in his thoughts, they are still useful lessons in educating morality for Vietnamese human today.

Key words: Phan Chau Trinh; political thought; politics - society.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phan Châu Trinh (1872-1926) là một trong những nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà yêu nước, nhà văn, nhà thơ, ... tiêu biểu của Việt Nam trong giai đoạn cuối XIX đầu thế kỷ XX. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Phan Châu Trinh đã để lại nhiều quan điểm có giá trị, đặc sắc, như: quan điểm khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh; quan điểm giáo dục con người, quan điểm đạo đức, quan điểm dân quyền, quan điểm về thể giới; ... một trong những tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt trong hệ thống tư tưởng của ông chính là tư tưởng chính trị - xã hội. Những quan điểm đó, không chỉ thể hiện sự trăn trở, tìm tòi một phương án trả lời cho hoàn cảnh lịch sử xã hội đầy biến động của Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX,

mà còn là sự kết hợp đặc sắc giữa truyền thống văn hóa Việt Nam, với tư tưởng phương Đông đặc biệt là tư tưởng nho giáo Khổng - Mạnh, được dẫn dắt trên cơ sở của tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây mà cốt lõi là những quan điểm dân chủ, tự do bình đẳng, bác ái, ... được tân thư du nhập vào Việt Nam, khi nói đến vai trò các sách mới ảnh hưởng đến sự thay đổi trong tư tưởng của mình, Phan Châu Trinh chỉ rõ: “*Từ khi sách mới (tân thư) dịch của châu Âu du nhập, mới hiểu rõ tiền đồ sống chết của dân tộc ở trong cái đại thế mạnh yếu của năm châu. Cái đặc tính vị đại của dân tộc ngàn năm, cái linh chất sáng suốt, vì học thuyết của khoa cử che lấp, mà bị chìm đắm ẩn nấp bên trong, không thể tự trở thành phát đạt để mưu sự sống còn, đến nỗi gần như mất, chết mà không tự*

(*) TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, caoxuanlong.khoatriet@gmail.com, Mã số: TCKH21-24-2020

biết. Một sớm kia bỗng nhiên mê mộng mới bị phá, như vén mây mù mà thấy trời xanh, như ra khỏi nhà tối mà thấy mặt trời mặt trăng” [4, tr.62-63].

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm về chủ trương cách mạng

Trong sự biến động và đòi hỏi cấp thiết của lịch sử xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đặt ra, nhiều nhà tư tưởng Việt Nam đã đưa ra các phương án trả lời khác nhau nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước, giải phóng con người và phát triển xã hội. Nếu như trong quan điểm của Đặng Huy Trứ yếu tố “dân sinh” được đặt lên hàng đầu cho nên nhiệm vụ đầu tiên trong hệ thống tư tưởng Đặng Huy Trứ là xây dựng, phát triển kinh tế cho xã hội, cho triều đình, nhằm nâng cao đời sống nhân dân, chống lại nguy cơ xâm lược của kẻ thù; Phan Bội Châu đề cao “dân khí”, đề cao quyền làm người, quyền làm chủ đất nước của nhân dân, nhưng để nhân dân có được những quyền đó thì nhiệm vụ đầu tiên trong tư tưởng của Phan Bội Châu là bằng phương pháp bạo động để giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước, giải phóng con người; thì Phan Châu Trinh lại đặt “khai dân trí” lên hàng đầu, sau đó mới là “chấn dân khí” và cuối cùng là “dân sinh”. Khi nhận xét về các phương án cách mạng lúc này, Phan Châu Trinh đã chỉ rõ: “Nguyễn Ái Quốc trốn ra khỏi nước nhà, qua Pháp, qua Anh rồi trở về Pháp, chủ trương “Cách mệnh triệt để”; ... Kỹ sư Cao Văn Sến, viết báo bằng Pháp văn, tại Pháp, cực lực phản đối thực dân Pháp ở Đông Dương. Đường lối tranh đấu cho Tổ quốc Việt Nam gần như cụ Phan Tây Hồ và cũng thiên về Đảng Lập Hiến Đông Dương của Bùi Quang Chiêu; Ông Phạm Quỳnh, Chủ nhiệm Tạp chí Nam Phong, chủ trương Quân chủ lập hiến; Ông Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhiệm Báo Trung Bắc Tân Văn chủ trương Trục trị, và kịch liệt phản đối quan lại Nam Triều mà ông không còn tin tưởng được nữa” [4, tr.126]. Từ chủ trương đó những vấn

đề cụ thể trong tư tưởng của Phan Châu Trinh đã được hình thành, triển khai và thực hiện: như giáo dục, đạo đức, kinh tế, chính trị,... Do đó, để hiểu rõ hệ thống tư tưởng, cũng như mục tiêu đổi mới về tư tưởng, về con đường cứu nước của Phan Châu Trinh chúng ta cần phải làm rõ các phạm trù khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh trong quan điểm của ông.

Thứ nhất là “khai dân trí”, Phan Châu Trinh cho rằng đó phạm trù dùng để chỉ sự mở mang nâng cao trí tuệ, hiểu biết cho nhân dân, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước bằng cách tổ chức các trường dạy học, các hội học theo lối mới, chú trọng kiến thức khoa học kỹ thuật, bài trừ các hủ tục, chống mê tín dị đoan. Xây dựng một nền học vấn và văn hóa tiến bộ, xây dựng con người toàn diện nhằm thích ứng với cuộc sống văn minh để cuối cùng nhân dân Việt Nam sẽ đủ sức thuyết phục thực dân Pháp trao lại quyền tự trị cho nước ta. Như vậy, khai dân trí của Phan Châu Trinh là: một mặt, chống lối học tầm chương trích cú cũng như khoa cử Nho giáo, đẩy mạnh truyền bá quốc ngữ, mở trường dạy học những kiến thức thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa và dùng văn thơ, báo chí để tuyên truyền, phổ biến trong đại chúng tư tưởng tư sản dân chủ. Từ khai thông dân trí, có điều kiện mới giành quyền độc lập cho dân tộc. Ông chủ trương cải cách bằng việc mở các trường học, đem thực tài mà giảng dạy, dùng các hình thức thơ ca, sách vở, báo chí diễn thuyết để mở mang trí khôn và thức tỉnh lòng người.

Thứ hai là “chấn dân khí”: Theo Phan Châu Trinh là làm cho mọi người thức tỉnh tinh thần yêu nước trên nguyên tắc tự lực, tự cường, làm cho người dân giác ngộ được quyền lợi của mình để đấu tranh giải thoát khỏi sự kìm kẹp của chế độ quân chủ chuyên chế. Theo ông sự trì trệ, suy vong của dân tộc không phải từ bản chất của dân tộc ta kém cỏi. Từ buổi đầu lịch sử, dân tộc ta đã có mấy trăm năm dựng nước trở thành một quốc gia độc lập, có chủ quyền, có nền văn hóa ổn định và bền vững. Sự kém

cỏi của dân tộc ta chính là do một phần chúng ta không tự lực, tự cường, không chịu học hỏi, làm mất đi cái hào khí, sức mạnh truyền thống mấy ngàn năm của dân tộc. Do đó, để chấn dân khí thì cần phải phát triển kinh tế nhằm góp phần tạo ra sức mạnh vật chất cho đất nước, phát triển giáo dục đem đến tri thức cho người dân nhằm làm cho người dân thấy được sức mạnh cũng như quyền của mình. Trên nguyên tắc không bạo động, không nhờ ngoại viện, mà nhờ vào chính quyền thực dân, vịn vào những lời hứa hẹn của nhà cầm quyền để làm chính trị công khai, mưu dân quyền, dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân.

Thứ ba là “hậu dân sinh”: Là cải thiện đời sống cho nhân dân, nâng cao cuộc sống vật chất và tinh thần trên tất cả các mặt như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội bằng những biện pháp và tổ chức phát triển kinh tế theo hướng tự lực tự cường, như vận động dùng hàng nội hóa, phục hồi và phát triển các ngành nghề trong nước, chung vốn khẩn hoang lập vườn, lập xưởng sản xuất, lập hội buôn. Theo Phan Châu Trinh muốn làm được điều đó trước hết phải xóa sạch mọi tàn dư, chướng ngại của chế độ phong kiến, từng bước cố gắng dành cho được độc lập dân tộc, xây dựng được một nhà nước dân chủ tư sản vững mạnh, một xã hội công bằng, phồn vinh, thực hiện bình đẳng xã hội, đất nước phải có pháp luật kỷ cương trật tự.... Và muốn làm được như vậy thì phải đổi mới từ trong dân, bằng các hình thức tuyên truyền cổ động bài bác “hủ Nho” vốn đã ăn sâu vào tiềm thức dân ta, những lễ giáo đạo đức chuyên chế mà giai cấp quý tộc địa chủ dùng để củng cố địa vị của mình. Bên cạnh đó cần phải thực hiện các phong tục “thái Tây”, dùng chữ quốc ngữ tuyên truyền cổ động lòng yêu nước, nghĩa đồng bào và các tiêu chuẩn đạo đức (mà thực chất là đạo đức tư sản) của người công dân. Một mặt, làm cho dân hiểu được xu thế của thời đại, làm cho dân hiểu được Việt Nam cũng vốn là một nước văn minh, ở vào

một vị trí địa lý thuận lợi, giàu tài nguyên; mặt khác, phát triển kinh doanh, lập các hiệu buôn, mở mang thương nghiệp, dạy cho dân có nghề nghiệp sinh nhai, lập các hội khai hoang, mở mang đồn điền cho hết địa lợi.

Tóm lại, quan điểm “khai dân trí”, “chấn dân khí”, “hậu dân sinh” là chủ trương cách mạng của Phan Châu Trinh, ba phạm trù này tuy có nội hàm khác nhau, nhưng nó có mối quan hệ biện chứng nhằm giải quyết yêu cầu lịch sử xã hội Việt Nam đặt ra. Trong đó trước hết là làm cho dân có hiểu biết, có ý thức về quyền và trách nhiệm của mình với đất nước, với dân tộc, với chính bản thân mình để từ đó làm cho “dân có đường sống” [4, tr.73], và khi “đường sống” của nhân dân được nâng lên thì quyền của người dân cũng như tri thức sẽ được nâng lên.

2.2. Quan điểm về phương pháp cách mạng

Phan Châu Trinh chủ trương cách mạng dựa vào Pháp để đấu tranh hòa bình, hợp pháp, công khai trên nguyên tắc tự trị. Để lý giải cho phương pháp cách mạng này, ông viết: “Tôi có chủ trương cậy Pháp, thì thủ đoạn không thể không do tự trị mà ra. Tự trị cũng chẳng là việc dễ lắm đâu, việc hồng ắt cũng chết. Nếu không phải là kẻ chí sĩ yêu nước, không kẻ sống chết lại hiểu rõ thời thế, thì không dám theo. Cho nên lợi có trí dân, lợi dân có đường sống. Đã lợi trí, lợi có đường sống, cho nên không thể không nói khai trí trị sinh; cho nên cái thế là không thể không lập nhiều hội học, hội diễn thuyết, hội buôn” [4, tr.73]; hay khi nhận định về người Pháp, ông cho rằng người Pháp thì cũng có người tốt kẻ xấu, chúng ta cần phải biết cậy vào những người Pháp tốt để tự trị phát triển đất nước. Ông viết: “*Người Pháp ở Pháp ư?... Ô, tốt có, xấu có, như ở tất cả các nước trên thế giới. Nhưng nói chung khá hơn phần đông những người họ gửi qua đây cai trị chúng ta. Tôi rất cảm tình với các nghị sĩ cánh tả, và tất cả những ai cùng quan điểm với họ. Tôi đặc biệt mang ơn một số trong họ*” [4, tr.225]. Trong điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam nửa

cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, khi xem xét chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cho rằng phương pháp bạo động không phù hợp, ông khẳng định bạo động cách mạng sẽ chuốc lấy sự thất bại. Ông viết: “*Không bạo động, bạo động tất chết! Không trông người nước ngoài, trông người nước ngoài thì tất ngu! Đồng bào ta, người nước ta, ai mà ham mến tự do, tôi xin cho một vật rất quý báu tặng cho đồng bào, là “Chi bằng Học”*” [3, tr.69]. Xét về mặt chiến lược cách mạng, Phan Bội Châu đã đúng khi cho rằng đối với thực dân xâm lược phải dùng bạo động cách mạng để đánh đuổi. Xét về thực lực cách mạng, bạo động cách mạng có thể thất bại, cho nên quan điểm Phan Châu Trinh cũng có phần phù hợp với thực tế cách mạng. Phạm trù bạo động cách mạng mà Phan Bội Châu cũng như Phan Châu Trinh quan niệm là cách mạng bạo lực vũ trang. Trên thực tế các ông đã tiến hành bạo lực cách mạng bằng nhiều hình thức như tổ chức đấu tranh chính trị, các phong trào đòi quyền dân chủ,... Phương pháp đấu tranh hòa bình là một phương pháp được một bộ phận trí thức yêu nước tán thành, họ dựa vào pháp luật và diễn đàn công luận để đấu tranh, nhưng thường không đạt kết quả mong muốn, hoặc nếu có cũng chỉ là sự nhượng bộ của thực dân nhằm xoa dịu mâu thuẫn mà thôi. Phương pháp đấu tranh hòa bình của Phan Châu Trinh có ưu điểm là không gây ra tổn thất về tính mạng và vật chất của nhân dân, làm cho nhân dân thức tỉnh, vươn lên làm cách mạng, phê phán chế độ quân chủ, tố cáo quan lại Pháp vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, tuy nhiên, hiệu quả của phương pháp này không cao và không triệt để.

Về lực lượng cách mạng, Phan Châu Trinh cho rằng cần phải biết tôn trọng sức mạnh trí tuệ, sức mạnh nhân tài vật lực của dân, bởi để nước được hưng thịnh thì phải dựa nơi dân, dân có đủ sức mạnh như thánh như thần: [2, tr.356]

*“Sao không nhớ những câu kinh thánh
Quốc tương hưng tắc thịnh chư dân*

*Dân ta là thánh là thần,
Bền gan, chắc dạ quỷ thần cũng kiêng
Khuyến khắp cả thị thiêng, thôn dã,
Đừng tin càn tin chạ mà bày.
Thử xem các nước đông tây,
Xưa nay trời giúp loài ngậy bao giờ?”.*

Từ đó ông kêu gọi nhân dân phải đoàn kết xây dựng thành tổ chức, đoàn thể để tham gia phong trào cách mạng, coi đoàn kết là một sức mạnh của dân tộc. Ông viết [2, tr.230]:

*“Trăm việc hai tay khó nổi trông,
Làm cho nên bộp phải tay đông,*

....

*Xưa nay góp gió làm nên bão,
Muôn vạn nên ghi một chữ đồng”.*

Trong tác phẩm *Tinh quốc hồn ca I*, với mười hai phần nội dung, Phan Châu Trinh dành một phần bàn về sự đoàn kết thương yêu nhau của nhân dân. Ông phân tích thấu đáo những hậu quả của mất đoàn kết, chỉ ra nguyên nhân của mất đoàn kết là thiếu sự thông cảm, chia sẻ, không biết nhường nhịn nhau, thậm chí tranh giành nhau cả những quyền lợi vật chất. Do đó làm cho giống nòi hèn kém, giảm sức mạnh của dân tộc, dẫn đến mất nước. Chính vì vậy, muốn giành độc lập, nhân dân ta phải đoàn kết một lòng, ông viết [2, tr.348-349]:

*“Vậy nên từ đồng nhĩ, phụ nữ,
Chẳng ai không biết giữa lấy nòi.
Khôn ngoan đối đáp người ngoài,*

Người trong một nước thì coi như nhà”.

2.3. Quan điểm của Phan Châu Trinh về nhà nước và pháp luật

Để đảm bảo quyền dân chủ trong xã hội Phan Châu Trinh cho rằng cần xây dựng một chế độ chính trị đủ mạnh, với hệ thống hiến pháp và pháp luật rõ ràng. Trong vấn đề này, ông kịch liệt phản đối chế độ quân chủ mà ông gọi là “quân trị” và mong muốn thực hiện chế độ cộng hòa tư sản mà ông gọi là “dân trị”. Ông giải thích: “*Quân trị chủ nghĩa tuy có pháp luật mặc lòng, nhưng cứ tự tay ông vua lập ra, chứ còn dân thì chẳng biết gì hết. Vậy*

cho nên khi nào gặp một ông vua thông minh, anh hùng, hiểu rõ cái sự quan hệ dân với nước là thế nào mà trừng trị những cái lũ tham quan, lại những kẻ dân được yên lặng làm ăn thì dân giàu nước mạnh” [4, tr.276]. Ông cũng nói: “*Quân trị chủ nghĩa tuy có phép luật mặc lòng, nhưng mà cú tự tay ông vua lập ra, cho còn dân thì chẳng biết gì hết*” [4, tr.273]. Khi so sánh giữa chế độ “quân trị” và “dân trị”, ông khẳng định: “*Cái chủ nghĩa dân trị hơn cái chủ nghĩa quân trị nhiều*” [4, tr.283]. Bởi vì “*theo cái chủ nghĩa dân trị thì từ quốc dân lập ra pháp luật, đặt ra các cơ quan để lo việc chung cho mọi người. Lòng quốc dân muốn thế nào thì được thế ấy*” [4, tr.283]. Năm 1922, khi vua Khải Định sang Pháp, Phan Châu Trinh đã viết “*Thất điều thư*” công kích trực diện chế độ quân chủ, định tội của Khải Định và hầu thư kêu gọi quốc dân tuyên chiến để nhổ đến tận gốc rễ của chế độ phong kiến, quét sạch lũ vua quan tham lam độc ác. Năm 1925, khi về Sài Gòn, ông giải thích quân chủ lập hiến ở châu Âu là “*quân dân cộng trị*”, là bình đẳng theo lời dạy của Khổng Tử: “*Tự thiên tử dĩ chí u thứ dân nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*”, tức là từ vua chí dân đều phải lấy việc sửa mình làm gốc. Về chủ nghĩa dân chủ, ông lại lấy câu của Mạnh Tử rằng “*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*”, nghĩa là dân quý hơn hết, lãnh thổ thứ nhì, vua là nhẹ làm dẫn chứng.

Phan Châu Trinh đã khái quát về nền chính trị dân quyền như sau [2, tr.373]:

*“Ước chánh trị càng ngày rộng rãi,
Đất ta theo vào cõi văn minh
Hiển chương pháp luật ban hành,
Nói năng nghĩ ngợi thỏa tình tự do
Ước học hành mở cho xứng đáng,
Đừng vẽ hình vẽ dạng cho qua.
Công thương kỹ nghệ chuyên khoa,
Trí tri cách vật cho ta theo cùng.
Cuộc điều dưỡng mở trong dân sự,
Nẻo giao thông tứ xứ sơn lâm,
Làm cho bá tánh yên tâm,*

Làm cho kinh tế càng năm càng giàu”.

Trên những cơ sở đó, Phan Châu Trinh khẳng định nước Việt Nam cần có Hiến pháp, và trong tư tưởng cách mạng của mình, ông thường đề cao hiến pháp, coi đó là công cụ pháp lý để hạn chế quân quyền độc tôn và hà lạm của chế độ quân chủ chuyên chế phương Đông. Lấy mẫu mực là nền dân chủ ở nước Pháp lúc bấy giờ, ông đã phân tích quan hệ giữa Tổng thống và Nghị viện đặt trên cơ sở Hiến pháp. Chính Hiến pháp xây dựng và bảo vệ sự ổn định của chế độ dân chủ pháp trị.

Theo Phan Châu Trinh thì dân trị tức là pháp trị. Pháp luật định ra quyền hạn, nhiệm vụ của nhà cầm quyền, của từng chức vụ, cơ quan trong bộ máy nhà nước, từ người thấp nhất đến người cao nhất. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Phan Châu Trinh viết: “*Nhưng mà thế nào mặc lòng, trong nước đã có pháp luật kỹ càng, cái quyền chính phủ có hạn định, khi nào vượt ra khỏi cái quyền hạn của mình thì không được, nên dầu muốn áp chế cũng không biết thò ra chỗ nào. Và lại, khi có điều gì phạm đến pháp luật thì người nào cũng như người nấy, từ ông Tổng thống cho đến một người nhà quê cũng đều chịu theo pháp luật như nhau*” [4, tr.282-283].

Trong lúc đề cao dân chủ Phan Châu Trinh lại quên vấn đề đánh đuổi thực dân giành độc lập dân tộc. Ông chỉ mới nhận thấy mâu thuẫn giữa chế độ quân chủ với nhân dân mà chưa nhận thấy mâu thuẫn cơ bản nhất là giữa dân tộc ta với thực dân Pháp. Chính vì vậy, ông đề ra nhiệm vụ giành độc lập dân tộc, nhưng lại không đề ra mục tiêu đánh đổ thực dân Pháp, thậm chí còn xem thực dân Pháp là cứu cánh để giải quyết vấn đề chuyên chế của triều đình phong kiến nhà Nguyễn lúc này. Khi phê phán chế độ thực dân phong kiến, ông công kích rất mạnh mẽ, nhưng đối với thực dân Pháp chỉ phê phán việc ngược đãi của người Pháp đối với nhân dân, hoặc phê phán một số chính sách thực dân, hoặc phê phán chính phủ bảo hộ không làm hết sứ mệnh bảo hộ [3, tr.51-67]. Từ đó, khi đưa

ra chủ trương dân chủ, Phan Châu Trinh cũng giống như Nguyễn An Ninh đã có phần ảo tưởng dựa vào pháp luật của Pháp để thực hiện công khai hóa dân chủ. Ông viết [2, tr.383-384]:

*“Pháp luật dựa Lang- sa làm chủ,
Lợi quyền cùng nghĩa vụ cho dân.
Có viện thay mặt quốc dân,
Có quan trách nhiệm đại thần phụng công.
Để ta được vào vòng chánh trị,
Từ hội hè, suy nghĩ, nói năng.
Cũng nên hạn chế có ngăn
Dắt tay ta để lần lần cho theo”.*

Từ quan điểm trên, chúng ta thấy Phan Châu Trinh có phần ảo tưởng khi dựa vào thực dân để mong có được sự công bằng trước pháp luật của giai cấp tư sản. Đối với chế độ thực dân thì dù một sự phản kháng hòa bình nhất của nhân dân thuộc địa cũng có thể bị đàn áp dã man nhất, chứ không thể có sự bình đẳng trước pháp luật.

Về quan điểm kinh tế: Đây là một trong những nội dung đặc sắc và không kém phần quan trọng trong hệ thống tư tưởng chính trị - xã hội của Phan Châu Trinh, nhằm thực hiện chủ trương “hậu dân sinh”. Ông cho rằng để nâng cao đời sống, làm cho cuộc sống của nhân dân ấm no, hạnh phúc thì cần phải làm cho mọi người biết phát triển kinh tế, phải tiến hành phát triển ngành nghề nhằm tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ đời sống xã hội. Ông viết [2, tr.358]:

*“Người ta biết đua thi tài trí,
Giành lợi quyền chẳng tí nhường ai.
Khí cơ vật dụng mười mươi,
Làm cho tinh khéo để người mình mua.
Nghề càng ngày càng đua càng tới,
Vật càng ngày càng mới để coi”.*

Đặc biệt, trong quá trình giao lưu với văn minh phương Tây, cũng như khi đọc những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, Phan Châu Trinh rất tâm đắc đề nghị của Nguyễn Trường Tộ với nhà vua là cần phải nhanh chóng cho người sang phương Tây học nghề. Trong bài diễn thuyết tại Sài Gòn (năm 1925) có đoạn ông nói:

“Cũng có người học hành như Nguyễn Trường Tộ xem vua đạo qua bên Tây xem xét cái văn minh của họ, rồi cho người qua học” [4, tr.276]. Cho nên, khi sự giao lưu với các phong trào văn minh phương Tây phát triển, có cơ hội học tập, ông kêu gọi mọi người tích cực tham gia, phục vụ cho phát triển đất nước. Ông viết [2, tr.346]:

*“Mau mau đi học lấy nghề,
Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau”.*

Việc mở mang ngành nghề, thành lập các hội buôn với mục đích phát triển kinh tế là một trong những nội dung Phan Châu Trinh rất quan tâm. Tính chất nền kinh tế mà Phan Châu Trinh quan niệm không phải là kinh tế tự cung, tự cấp mà là nền kinh tế hàng hóa. Nền sản xuất ấy phải giao lưu với nước ngoài, phải bảo đảm nhiều hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu để tạo ra sự tích lũy cho nền kinh tế. Ông viết [2, tr.358]:

*“Chở chuyên đi bán nước người,
Lợi trong đã được lợi ngoài lại thêm.
Được nhiều lời càng thêm tư bốn
Rộng bán buôn khắp bốn phương trời.
Càng nhiều vốn càng nhiều lời,
Người mình thua sút với đời lắm thay”.*

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu tư tưởng chính trị - xã hội của Phan Châu Trinh, chúng ta thấy rằng, ông không chỉ là một chí sĩ yêu nước, nhà hoạt động cách mạng, mà còn là nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà hoạt động chính trị... tiêu biểu của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trên lĩnh vực nào ông cũng để lại một dấu ấn sâu sắc, có giá trị. Cuộc đời hoạt động cách mạng và tư tưởng của ông là bài học quý giá cho thế hệ hôm nay và mai sau học hỏi. Đánh giá cuộc đời hoạt động và công lao của Phan Châu Trinh cụ phó bảng Nguyễn Sinh Huy đã viết trong điệu văn Phan Châu Trinh [2, tr.59].

*“Nam Quốc dân quyền tiên tổ chức;
Nam phương tịnh độ hậu siêu sinh”.*

*Nghĩa là: Tại nước Nam ông là người tổ chức
phong trào dân quyền trước tiên; Đi về miền Nam sống
siêu thoát”. Còn Phan Bội Châu thì viết [1, tr.756]:*

*“... Cờ xã hội những toan lên thẳng bước,
Gánh giang sơn chẳng chút chịu nhường ai!*

*Đau đớn thay! Trời chẳng chịu người,
Người bước tới mà trời chẳng kéo lại
Công nghiệp sống chưa ra vòng thất bại,
Tuổi chế này đã tải chẳng mười năm
Nhớ bạn xưa khôn nỡ khóc thầm,
Một hàng chữ gửi thốn tâm cùng thiên cổ!
Kẻ tiền đạo ấy ai người hậu lộ”.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Quốc Thắng, Nguyễn Bá Thắng (1991), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Đà Nẵng.
- [3] Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Đà Nẵng.
- [4] Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 31-3-2020. Ngày biên tập xong: 04-5-2020. Duyệt đăng: 26-5-2020